

Số: 02 /TB-TTr

An Lão, ngày 05 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	601	213	198	190
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	462 76,87%	143 67,14%	144 72,73%	175 92,11%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	130 21,63%	62 29,11%	53 26,77%	15 7,89%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	09 1,5%	08 3,76%	01 0,51%	00 0%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
II.	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	601	213	198	190
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	105 17,47%	06 2,82%	33 16,67%	66 34,74%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	432 71,88%	154 72,3%	154 77,78%	124 65,26%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	64 10,65%	53 24,88%	11 5,56%	00 0%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1192	404	354	434
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1192 100%	404 100%	354 100%	434 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	00 0%	00 0%	00 0%	00 0%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	105 17,47%	06 2,82%	33 16,67%	66 34,74%
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	02 0,33%	01 0,46%	00 0%	01 0,52%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Chuyên trường đến (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	03 0,49%	00 0%	01 0,50%	02 1,05%
6	Bị đuổi học (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	00	00	00	00
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)	25 4,16%	16 7,51%	05 2,53%	04 2,11%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	00	00	00	00
2	Cấp thành phố	00	00	00	00
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				190
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)				
2	Khá (<i>tỷ lệ so với tổng số</i>)				
3	Trung bình (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ				
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (đề b/c);
- Đăng website;
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hà